

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 – 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Khánh Trình | Giám đốc |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền | Phó Giám đốc |
| - Bà Lưu Hoàng Anh | Giám đốc chi nhánh Sài Gòn |
| - Bà Trần Thị Minh Tinh | Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng |

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của đơn vị. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

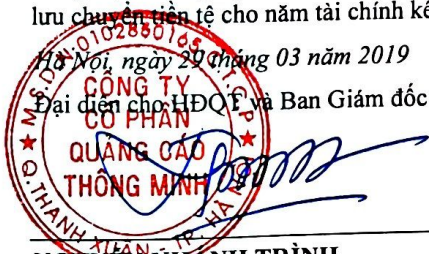
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019
Đại diện cho HĐQT và Ban Giám đốc



NGUYỄN KHÁNH TRÌNH

Giám đốc

Số: 93 /2019/BCKT - CPAMB

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018.***Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh, được lập ngày 29/03/2019 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM –
CHI NHÁNH MIỀN BẮC**

Tg

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2018-137-1

NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2272-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.843.023.442	89.543.734.377
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.085.495.324	22.355.246.776
1. Tiền	111		14.085.495.324	22.355.246.776
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35.175.000.000	34.400.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.6.1	35.175.000.000	34.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.934.671.626	31.586.000.029
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.1	25.577.016.383	24.522.694.929
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.1	344.350.000	77.556.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.2	6.500.000.000	2.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.1	8.513.305.243	4.985.748.999
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	553.951.581	1.131.353.025
1. Hàng tồn kho	141		553.951.581	1.131.353.025
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		93.904.911	71.134.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	21.393.031	56.635.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	14.499.372
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.2	72.511.880	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.231.719.444	22.880.386.563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.060.960.949	3.997.559.054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	7.060.960.949	3.997.559.054
- Nguyên giá	222		12.152.150.636	8.079.543.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.091.189.687)	(4.081.984.309)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	8.504.095.553	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5	-	8.130.386.445
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	8.130.386.445
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		11.975.935.755	10.196.873.286
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.6.2	1.754.753.755	1.747.388.216
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.6.2	-	(281.696.930)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.6.1	10.221.182.000	8.731.182.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.690.727.187	555.567.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	1.690.727.187	555.567.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.074.742.886	112.424.120.940

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.531.053.628	53.958.990.763
I. Nợ ngắn hạn	310		33.531.053.628	53.958.990.763
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.1	17.003.860.004	42.576.823.921
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.1	3.559.970.366	2.429.911.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.1	8.677.893.020	6.740.652.196
4. Phải trả người lao động	314		2.166.442.432	43.129.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.1	2.122.887.806	2.168.473.662
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.543.689.258	58.465.130.177
I. Vốn chủ sở hữu	410		86.543.689.258	58.465.130.177
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	50.000.000.000	35.345.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	35.345.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.16	1.324.369.901	(2.033.974.217)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	30.226.647.132	24.662.678.697
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.130.491.598	8.762.695.933
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.096.155.534	15.899.982.764
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.18	4.992.672.225	490.825.697
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.074.742.886	112.424.120.940

NGUYỄN THỊ HỜI
Người lập

NGUYỄN THỊ HỜI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRÌNH
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính

kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	335.125.002.766	246.545.424.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	335.125.002.766	246.545.424.510
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	293.907.503.012	205.770.239.515
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.217.499.753	40.775.184.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	4.868.374.727	1.403.511.942
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	180.569.451	9.232.433
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.246.245)	(8.611.784)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.23	10.174.442.798	13.466.240.518
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.23	9.660.857.674	8.111.105.281
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.068.758.313	20.583.506.921
12. Thu nhập khác	31	VI.25	8.512.431	2.814.952
13. Chi phí khác	32	VI.25	591.932.748	162.879.252
14. Lợi nhuận khác	40		(583.420.317)	(160.064.300)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.485.337.996	20.423.442.621
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	5.378.397.090	4.538.430.501
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.106.940.905	15.885.012.121
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		20.096.155.534	15.899.982.764
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		10.785.371	(14.970.643)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.25	4.344	4.906
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		4.344	4.906



NGUYỄN THỊ HÒI
Người lập



NGUYỄN THỊ HÒI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.485.337.995	20.423.442.621
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.168.912.448	840.784.733
- Các khoản dự phòng	03	1.246.246	9.232.432
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(47.106.164)	(480.724.195)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.678.092.706)	(950.302.522)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	21.930.297.819	19.842.433.070
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.126.867.299)	5.128.029.249
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	559.814.048	1.727.514.468
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(24.029.170.410)	43.424.831.942
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.176.946.956)	80.267.474
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.998.557.355)	(3.290.554.715)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.841.430.152)	66.912.521.488
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.887.214.563)	(9.030.459.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	90.909.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.490.000.000)	(43.131.182.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.225.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.217.677.204	55.592.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.843.628.268)	(52.106.049.027)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	4.500.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	3.900.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.900.000.000)	(3.394.730.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.500.000.000	(3.394.730.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(8.185.058.420)	11.411.742.461
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.355.246.776	10.945.699.436
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(84.693.037)	(2.195.121)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.085.495.324	22.355.246.776

NGUYỄN THỊ HỜI
Người lập

NGUYỄN THỊ HỜI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRINH
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 14 ngày 04/04/2018.

Cơ cấu tổ chức:

Công ty có 02 chi nhánh, 03 công ty con và 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
<i>Các đơn vị phụ thuộc</i>	
- Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Sài Gòn)	M003B Cao ốc Phú Nhuận, số 20 Hoàng Minh Giám, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty cổ phần Quảng cáo thông minh (Chi nhánh Đà Nẵng)	Tầng 3, Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
<i>Công ty con</i>	
- Công ty PT CLEVER ADS	Tầng 10 khu biệt thự 1B Jakarta – Thành phố Thamrin, Đại lộ Thamrin, Jakarta Pusat 10340
- Công ty TNHH Quảng cáo thông minh MYANMAR	Nhà số 1D, Tòa nhà Stadium View, đường Bo Min Yaung (góc giao với đường Mandalay), quận Mingalar Taungnyunt, thành phố Yangon, Myanmar
- Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh	Số 26 ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
<i>Công ty liên kết</i>	
- Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo thông minh	Tòa nhà 46 Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Công thông tin (trừ loại Nhà nước cấm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính (CPC 841 - 845, CPC 849);
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (CPC 871, trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý (CPC 865);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex (CPC 7523);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật (CPC 8676 ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Công ty có trụ sở tại số nhà 26, ngõ 80, phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 167 người, trong đó cán bộ quản lý là 13 người. (Tại thời điểm 31/12/2017, tổng số cán bộ nhân viên hiện đang làm việc tại Công ty là 118 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.**

Kỳ kế toán năm của Công ty: được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đồng tiền hạch toán: Công ty sử dụng đồng Việt Nam (VND) để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT – BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 206/2009/TT – BTC ngày 27/10/2009 hướng dẫn kế toán giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.
- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Ngân hàng thương mại mà Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch gồm:

- + *Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*
Tỷ giá được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Chi phí sản xuất kinh doanh, các khoản trả trước cho người bán, các khoản phải trả là tỷ giá quy đổi do Google Ireland Ltd và Face Book Ireland Limited thông báo.
- + *Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh:*
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi giảm: các khoản phải trả, khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được dịch vụ.
- + *Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*
Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các TK tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)***Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại cuối kỳ:*

- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- + Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Tỷ giá áp dụng để đánh giá lại là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm 31/12/2018.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Các loại tỷ giá được áp dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

- + *Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của một ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo;*
- + *Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;*
- + *Chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;*
- + *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;*
- + *Lợi nhuận, cổ tức đã trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả lợi tức, cổ tức;*
- + *Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.*

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH

Địa chỉ: Số 26, ngõ 80 Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản phải thu (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho:

Thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tồn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

Tài sản	Khung khấu hao
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị quản lý	03 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là nhà Long Long Khánh 04 – Song Lập 40 – Vinhomes Thăng Long. Do là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá nên Công ty không thực hiện trích khấu hao. Trong năm cũng không phát sinh bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư mà Công ty đang nắm giữ bị giảm giá so với giá thị trường.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và phí sử dụng đường bộ được phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ trong thời gian 12 tháng, chi phí thuê đặt chỗ máy chủ được phân bổ trong thời gian 6 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng, phí sử dụng đường bộ được phân bổ trong thời gian từ 18 đến 30 tháng và cước sử dụng Internet được phân bổ trong thời gian 14 tháng và chi phí quảng cáo được phân bổ khi ghi nhận doanh thu tương ứng.

Nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, kế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc cung cấp dịch vụ quảng cáo. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm lãi tiền gửi, cho vay, lãi từ đầu tư trái phiếu và thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Lãi tiền gửi và cho vay, từ đầu tư trái phiếu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn. Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ cung cấp hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh và được ghi nhận đầy đủ trong năm.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bộ phận bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (*tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...*); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (*điện, nước, điện thoại, fax, cháy nổ, tiếp khách, mua vé máy bay...*); chi phí bằng tiền khác (*CF mua đồ dùng văn phòng, hội nghị khách hàng...*).

Công ty không phát sinh các khoản giảm trừ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

ThuếThuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành của doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành (20%).

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Các chi tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt tại quỹ (i)	649.601.715	3.370.695.594
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (ii)	13.435.893.609	18.984.551.182
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	14.085.495.324	22.355.246.776

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2018 bao gồm:

	VND
Đồng Việt Nam (VND)	
+ Công ty cổ phần quảng cáo Thông Minh	352.679.828
+ Công ty PT CLEVER ADS	292.941.887
+ Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh	3.980.000
Cộng	649.601.715

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2018 bao gồm:

	VND
+ Công ty cổ phần quảng cáo Thông Minh	11.574.669.533
+ Công ty PT CLEVER ADS	1.774.063.981
+ Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh	87.160.095
Cộng	13.435.893.609

2. Phải thu khách hàng

2.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty cổ phần Trò chơi VEGA	100.778.411	514.418.724
CÔNG TY TNHH GRABTAXI	4.272.294.445	943.465.742
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	40.971.645	2.979.872.453
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tân Hiệp Phát	1.285.690.647	36.458.775
CN Công ty TNHH NN MTV Thương mại và XNK VIETTEL – Trung tâm bán lẻ	-	2.241.857.452
Công ty CP Giải trí và thể thao điện tử Việt Nam	1.335.305.771	4.556.849.063
Công ty cổ phần FOODY	-	2.130.720.342
Công ty cổ phần Bạch Minh	762.335.038	425.582.854
Công ty TNHH GPAY NETWORK Việt Nam	1.033.099.054	-
Các khách hàng còn lại	16.746.541.372	10.693.469.524
Cộng	25.577.016.383	24.522.694.929

2.2 Phải thu khách hàng với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – CN Miền Bắc	49.500.000	-
Công ty cổ phần Magic	133.650.000	-
Công ty TNHH TDX	54.450.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT	60.000.000	60.000.000
Công ty cổ phần Dịch vụ và Du lịch VIETSENSE	-	12.100.000
Công ty cổ phần truyền thông Việt Nam (VCCorp)	24.200.000	5.456.100
Các nhà cung cấp còn lại	22.550.000	-
Cộng	344.350.000	77.556.100

3.2 Trả trước cho người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại mục VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

4. Các khoản phải thu khác

4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Phải thu BHXH nộp thừa	13.703.456	-
Phải thu Thuế GTGT nhà thầu	1.376.953.764	1.511.038.622
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	227.696.164	97.716.666
Lãi dự thu tiền vay	22.000.000	21.322.222
Lãi dự thu trái phiếu có kỳ hạn	1.321.040.891	775.671.489
Phải thu khác của Công ty PT CLEVER ADS	5.146.323.000	2.557.500.000
Ký quỹ	325.627.500	22.500.000
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu của Công ty CP REVIEW	79.960.468	-
Cộng	8.513.305.243	4.985.748.999

4.2 Phải thu về cho vay

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty cổ phần tập đoàn quản lý tài sản Trí Việt	6.500.000.000	2.000.000.000
Cộng	6.500.000.000	2.000.000.000

(*): Đây là khoản Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh và Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh cho vay kỳ hạn 03 tháng và lãi suất 9%/năm.

4.3 Phải thu khác với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

5. Tài sản dở dang dài hạn

5.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
+ CF đầu tư công trình tại Vinhomes Thăng Long	-	8.130.386.445
+ Các công trình khác	-	-
Cộng	-	8.130.386.445

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính

6.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	7.600.000.000	7.600.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
- Trái phiếu (**)	27.575.000.000	27.575.000.000	29.200.000.000	29.200.000.000
+ Trái phiếu công ty ATAKA	25.575.000.000	25.575.000.000	13.300.000.000	13.300.000.000
+ Trái phiếu công ty AZURA	2.000.000.000	2.000.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
+ Trái phiếu công ty HABUKA	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000
+ Trái phiếu công ty YAMAGATA	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Cộng	35.175.000.000	35.175.000.000	34.400.000.000	34.400.000.000
Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.490.000.000	1.490.000.000	-	-
- Trái phiếu	8.731.182.000	8.731.182.000	8.731.182.000	8.731.182.000
+ Trái phiếu công ty VNDIRECT	8.731.182.000	8.731.182.000	8.731.182.000	8.731.182.000
Cộng	10.221.182.000	10.221.182.000	8.731.182.000	8.731.182.000

(*): Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh với lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng của Công ty cổ phần REVIEW Thông Minh với lãi suất 7,3% tại Ngân hàng TMCP Quốc tế.

(**): Đây là các khoản Trái phiếu có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng (đối với Trái phiếu ngắn hạn) và có kỳ hạn 24 tháng (đối với Trái phiếu dài hạn) theo lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng mua bán trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

6.2 Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.754.753.755	-	1.754.753.755	1.747.388.216
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
Cộng	1.754.753.755	-	1.754.753.755	1.747.388.216
				1.465.691.286

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định bằng giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng đã trích lập.

6.2.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh	31/12/2018		01/01/2018	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu
Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh (*)	Quảng cáo trên điện thoại di động	175.600	40%	1.754.753.755	175.600
Cộng				1.754.753.755	1.747.388.216

(*): Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tỷ lệ góp vốn vào Công ty CP Mạng quảng cáo thông minh trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	553.951.581	553.951.581	1.131.353.025	1.131.353.025
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	553.951.581	553.951.581	1.131.353.025	1.131.353.025

8. Chi phí trả trước**8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.393.031	1.002.272
- Chi phí dịch vụ quảng cáo	-	-
- Chi phí thuê máy chủ	-	33.832.903
- Chi phí thuê văn phòng	-	20.000.000
- Phí sử dụng đường bộ	-	1.800.000
Cộng	21.393.031	56.635.175

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
- Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng	849.457.291	512.506.124
- Chi phí sửa chữa văn phòng	776.722.681	41.250.000
- Cước sử dụng internet	2.742.857	-
- Phí sử dụng đường bộ	7.196.000	1.811.654
- Chi phí dịch vụ quảng cáo	54.608.358	-
Cộng	1.690.727.187	555.567.778

9. Phải trả người bán**9.1 Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	-	-	148.016.930	148.016.930
Công ty cổ phần VNG	13.282.500	13.282.500	92.482.500	92.482.500
Công ty cổ phần SKYTUBE	130.269.840	130.269.840	292.900.390	292.900.390
Công ty TNHH Face Book Ireland	13.913.297.904	13.913.297.904	21.787.867.803	21.787.867.803
Công ty Google Ireland	2.855.890.445	2.855.890.445	20.103.563.006	20.103.563.006
Phải trả cho các đối tượng khác	91.119.315	91.119.315	151.993.292	151.993.292
Cộng	17.003.860.004	17.003.860.004	42.576.823.921	42.576.823.921

9.2 Các khoản phải trả người bán với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh VII.1 - Thông tin về các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2018	-	-	7.782.495.363	297.048.000	-	8.079.543.363
Mua trong kỳ	-	-	4.473.960.000	39.545.455	-	4.513.505.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(440.898.182)	-	-	(440.898.182)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	11.815.557.181	336.593.455	-	12.152.150.636
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2018	-	-	3.830.903.087	251.081.222	-	4.081.984.309
Khấu hao trong kỳ	-	-	1.138.372.652	30.539.796	-	1.168.912.448
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(159.707.070)	-	-	(159.707.070)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	4.809.568.669	281.621.018	-	5.091.189.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2018	-	-	3.951.592.276	45.966.778	-	3.997.559.054
Tại ngày 31/12/2018	-	-	7.005.988.512	54.972.437	-	7.060.960.949

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

1.430.247.000 đồng
- đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố cho vay:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

11. Tăng giảm bất động sản đầu tư

	31/12/2018	01/01/2018
Bất động sản đầu tư cho thuê	-	-
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá	8.504.095.553	-
Cộng	8.504.095.553	-

11.1 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà của vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	8.504.095.553	8.504.095.553
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553
TỶN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553
GIÁ TRỊ HỢP LÝ			
Tại ngày 31/12/2018	-	8.504.095.553	8.504.095.553

Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: - đồng
Nguyên giá BĐS đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: - đồng

010
ÔNG
TNI
EM
VIE
HN
EN
HAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****12. Người mua trả tiền trước****12.1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	626.294.086	626.294.086	-	-
Công ty cổ phần Tích hợp Dịch vụ số	233.200.000	233.200.000	-	-
Công ty TNHH đào tạo và chứng nhận IPC (QINGDAO)	209.778.113	209.778.113	-	-
Công ty cổ phần Tinh Tươi	254.100.000	254.100.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và đào tạo Anh Vũ	68.275.635	68.275.635	105.600.000	105.600.000
Công ty Sản xuất thép Úc SSE	105.939.900	105.939.900	105.939.900	105.939.900
Ngân hàng TMCP Quốc dân	8.178.772	8.178.772	122.182.500	122.182.500
Công ty TNHH Mỹ phẩm Mira	24.750.000	24.750.000	132.000.000	132.000.000
Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	-	-	640.000.000	640.000.000
Công ty cổ phần YOURS VIETNAM	-	-	118.000.000	118.000.000
Các đối tượng khác	2.029.453.860	2.029.453.860	1.206.189.437	1.206.189.437
Cộng	3.559.970.366	3.559.970.366	2.429.911.837	2.429.911.837

12.2. Người mua trả tiền trước với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**13.1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Thuế giá trị gia tăng	2.151.461.535	16.091.264.194	(15.310.410.598)	2.932.315.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.391.706.106	5.378.397.090	(4.020.093.871)	3.750.009.325
Thuế thu nhập cá nhân	219.153.130	240.919.209	(392.605.304)	67.467.035
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	1.978.331.425	1.933.999.393	(1.984.229.289)	1.928.101.529
Cộng	6.740.652.196	23.644.579.886	(21.707.339.062)	8.677.893.020

13.2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2018	31/12/2018
Thuế TNDN nộp thừa	-	72.511.880
Cộng	-	72.511.880

14. Phải trả khác**14.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Kinh phí công đoàn	157.762.806	157.762.806	94.944.118	94.944.118
- Bảo hiểm xã hội	-	-	65.087.590	65.087.590
- Bảo hiểm y tế	-	-	11.486.045	11.486.045
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	5.110.909	5.110.909
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.965.125.000	1.965.125.000	1.991.845.000	1.991.845.000
+ Phải trả ông Nguyễn Khánh Trinh	1.965.125.000	1.965.125.000	1.965.125.000	1.965.125.000
+ Phải trả khác	-	-	26.720.000	26.720.000
Cộng	2.122.887.806	2.122.887.806	2.168.473.662	2.168.473.662

14.2. Phải trả khác với các bên có liên quan

Chi tiết tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục VII.1 - Thông tin với các bên có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

15. *Vay và nợ thuê tài chính*

Các khoản vay

	01/01/2018		Phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	3.900.000.000	(3.900.000.000)	-	-
+ Vay ông Nguyễn Khánh Trinh	-	-	3.600.000.000	(3.600.000.000)	-	-
+ Vay ông Đur Khắc Châu	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	3.900.000.000	(3.900.000.000)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)****16. Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	5.599.990.000	-	-	-	-	2.503.880.461	8.103.870.461
Tăng vốn trong năm trước	29.745.610.000	-	-	-	-	-	29.745.610.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	15.899.982.764	15.899.982.764
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(2.529.171.036)	-	-	(2.529.171.036)
Tăng khác	-	-	490.825.697	-	-	6.258.815.472	6.749.641.169
Giảm khác	-	-	-	495.196.819	-	-	495.196.819
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	35.345.600.000	-	490.825.697	(2.033.974.217)	-	24.662.678.697	58.465.130.177
Tăng vốn trong năm nay	14.654.400.000	-	-	-	-	-	14.654.400.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	20.096.155.534	20.096.155.534
Tăng khác	-	-	4.992.672.225	-	-	122.212.902	5.114.885.127
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.340.117.815	-	-	1.340.117.815
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	2.018.226.303	-	-	2.018.226.303
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển LN để tăng vốn	-	-	-	-	-	(14.654.400.000)	(14.654.400.000)
Giảm khác	-	-	(490.825.697)	-	-	-	(490.825.697)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	-	4.992.672.225	1.324.369.901	-	30.226.647.133	86.543.689.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

16. *Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Vốn pháp định</i>		<i>Vốn pháp định đã góp</i>	<i>Vốn pháp định chưa góp</i>
	<i>Số tiền theo giấy ĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>		
Phía Việt Nam	32.495.930.000	64,99%	32.495.930.000	-
<i>Nguyễn Khánh Trinh</i>	31.402.470.000		31.402.470.000	-
<i>Dư Khắc Châu</i>	1.093.460.000		1.093.460.000	-
Phía nước ngoài	17.504.070.000	35,01%	17.504.070.000	-
<i>CyberAgent Ventures Inc.</i>	751.230.000		751.230.000	-
<i>Yello Digital Marketing Global PTE. LTD</i>	16.752.840.000		16.752.840.000	-
Cộng	50.000.000.000	100%	50.000.000.000	-

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	35.345.600.000	5.599.990.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	14.654.400.000	29.745.610.000
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	50.000.000.000	35.345.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.654.400.000	-

Cổ phiếu:

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.534.560
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	3.534.560
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	3.534.560
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.534.560
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	3.534.560
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

17. *Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất*

Ngoại tệ	31/12/2018	01/01/2018
USD	1.281,23	300.224,00

18. *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

	<i>REVIEW Thông Minh</i>		
	<i>Minh</i>	<i>Công ty PT CLEVERADS</i>	<i>Cộng</i>
Vào ngày 31/12/2018			
Vốn điều lệ	4.500.000.000	176.385.000	4.676.385.000
Lợi nhuận chưa phân phối	22.885.299	293.401.926	316.287.225
	4.522.885.299	469.786.926	4.992.672.225
Phần lãi (lỗ) trong LN sau khi hợp nhất trong năm	22.885.299	(12.099.928)	10.785.371
	22.885.299	(12.099.928)	10.785.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	335.125.002.766	246.545.424.510
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hoá</i>	-	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	335.125.002.766	246.545.424.510
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	-	-
<i>Doanh thu khác</i>	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	335.125.002.766	246.545.424.510
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá</i>	-	-
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	335.125.002.766	246.545.424.510
<i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i>	-	-
<i>Doanh thu thuần khác</i>	-	-

20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn hàng hoá đã bán	-	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	293.907.503.012	205.770.239.515
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá vốn khác	-	-
Cộng	293.907.503.012	205.770.239.515

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	4.868.374.727	950.302.522
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	453.209.420
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	4.868.374.727	1.403.511.942

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO THÔNG MINH
 KIỂM TRA VÀ CHẤM DẤU
 (CHỖ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

22. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền vay	-	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	180.569.451	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	9.232.433
Cộng	180.569.451	9.232.433

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018	Năm 2017
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	4.113.983.242	4.486.704.398
- Chi phí đồ dùng văn phòng	754.702.701	582.009.342
- Chi phí khấu hao	879.438.194	813.973.247
- Thuế, phí, lệ phí	203.565.196	122.683.236
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.566.023.756	2.017.672.336
- Chi phí khác bằng tiền	143.144.585	88.062.722
Cộng	9.660.857.674	8.111.105.281
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí nhân viên	9.793.450.908	11.513.728.574
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
- Chi phí thuế, thuê đất	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	369.920.456	1.815.892.939
- Chi phí khác bằng tiền	11.071.434	136.619.005
Cộng	10.174.442.798	13.466.240.518

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.293.482.038	4.538.430.501
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	84.915.052	-
Cộng	5.378.397.090	4.538.430.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

25. Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Thu nhập khác	8.512.431	2.814.952
- Xử lý công nợ phải thu, phải trả	103.019	2.814.952
Chi phí khác	591.932.748	162.879.252
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ	190.282.021	-
- Xử lý công nợ phải thu, phải trả	21	48.049
- Các khoản bị phạt, truy thu thuế	28.113.546	124.449.625
- Các khoản khác	373.537.160	38.381.578
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(583.420.317)	(160.064.300)

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.904.411.219	280.482.216
Chi phí nhân công	19.428.097.605	9.082.005.265
Chi phí khấu hao TSCĐ	879.438.194	408.013.056
Thuế, phí và lệ phí	203.565.196	94.702.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.013.698.334	85.633.936.074
Chi phí khác bằng tiền	154.216.019	76.602.017
Cộng	310.583.426.567	95.575.741.118

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.096.155.534	15.899.982.764
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	20.096.155.534	15.899.982.764
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.626.614	3.241.179
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.343,60	4.905,62

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	3.241.179	559.999
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	1.385.435	2.681.180
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.626.614	3.241.179

19/10/18

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm tài chính 2018, các bên được nhận biết là bên liên quan đến công ty là Công ty TNHH PT CleverAds, công ty cổ phần Review Thông minh (Công ty con), Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh (Công ty liên kết), Công ty cổ phần kho ứng dụng thông minh (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần Sói biển trung thực (Công ty cùng CSH), CleverAds Philippines Corporation (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần phần mềm 365 (Công ty cùng CSH), Công ty cổ phần JobsGO (Công ty cùng CSH), ông Nguyễn Khánh Trinh (Chủ tịch HĐQT) và các cổ đông góp vốn trong Công ty.

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Giám đốc	Vay ngắn hạn	3.600.000.000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Giám đốc	Trả nợ vay	3.600.000.000	2.653.480.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Giám đốc	Chuyển vay thành vốn	-	23.320.190.000
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Giám đốc	Phải trả do mua lại khoản đầu tư vào công ty con	-	1.965.125.000
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Vay ngắn hạn	300.000.000	-
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Trả nợ vay	300.000.000	741.250.000
Ông Dư Khắc Châu	Ủy viên HĐQT	Chuyển vay thành vốn	-	758.750.000

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan khác trong năm bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Phải trả người bán				
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	Công ty liên kết	Mua dịch vụ quảng cáo	-	440.277.446
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Công ty cùng CSH	Mua dịch vụ quảng cáo	-	394.357.909
	Công ty cùng CSH	Trả tiền hàng	-	110.292.800
Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	Chi phí mua thực phẩm	44.864.385	332.223.930
	Công ty cùng CSH	Trả tiền mua thực phẩm	194.592.539	184.207.000
Công ty cổ phần JobsGo	Công ty cùng CSH	Chi phí tuyển dụng	15.287.500	-
	Công ty cùng CSH	Trả phí tuyển dụng	16.816.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. Thông tin về các bên có liên quan (Tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Phải thu khách hàng				
Công ty CleverAds Philippines Corporation	Công ty cùng CSH	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	6.919.373.473	15.456.759.236
	Công ty cùng CSH	Thu tiền hàng	7.611.310.820	17.002.435.160
Công ty cổ phần JobsGo	Công ty cùng CSH	Cung cấp DV quảng cáo	249.708.872	-
	Công ty cùng CSH	Thu tiền hàng	274.679.758	-

Số dư với các bên liên quan:

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên có liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
I. Phải trả người bán		-	148.016.930
1. Công ty cổ phần Sói biển trung thực	Công ty cùng CSH	-	148.016.930
II. Phải trả khác		1.965.125.000	1.965.125.000
1. Ông Nguyễn Khánh Trình	Giám đốc	1.965.125.000	1.965.125.000

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Giá dịch vụ, hàng hoá với các bên liên quan cung cấp là giá thoả thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

NGUYỄN THỊ HÒI
Người lập

NGUYỄN THỊ HÒI
Kế toán trưởng



NGUYỄN KHÁNH TRÌNH
Giám đốc